

MÃY VẤN ĐỀ KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI TRÂU, BÒ

TRỊNH VĂN THỊNH

KHUYNH HƯỚNG VÀ KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI TRÂU, BÒ

Những năm gần đây, tổng số trâu, bò trên thế giới không tăng nhiều lắm, nhưng sản phẩm về thịt, sữa,... do trâu, bò cung cấp tăng nhanh, vì năng suất thịt, sữa trên một đơn vị gia súc tăng. Trước đại chiến thế giới lần thứ hai (năm 1939), tổng số trâu, bò toàn thế giới độ 700 triệu con; khoảng năm 1956 — 1960 độ 913 triệu con; khoảng năm 1964 — 1965 trên 1 000 triệu con. Lượng sữa do một bò cung cấp vào khoảng năm 1964 — 1965 là trên 4 000 kg/năm; trọng lượng hơi của bò khi mổ thịt đã vượt 650 kg/con (năng suất trung bình tiên tiến); như thế là đã tăng khoảng gấp đôi trong vài chục năm (1).

Những nước có mức tiêu thụ thịt theo đầu người cao nhất (một số nước ở châu Mỹ la-tinh và châu Đại-dương) là những nước có ngành chăn nuôi bò, cừu phát triển và đại bộ phận thịt tiêu thụ là thịt bò, thịt cừu. Ví dụ (kg/năm/người):

Nước	Thịt bò	Thịt lợn	Thịt cừu	Tổng số
Tân Tây-lan	47,5	14,9	43,6	106,5
Úc	42,1	10,4	44,4	100,0
Uruguay	72,0	8,2	16,3	96,5
Achentina	74,3	5,4	6,3	91,5

(Ghi thích: mức tiêu thụ thịt ở Mỹ là 74,3kg/năm/người).

Người ta thường đánh giá tình hình chăn nuôi trâu, bò của một nước theo hai chỉ tiêu: số trâu, bò trên 1 km² (mật độ trâu, bò trên đơn vị diện tích) và số trâu, bò cho 100 người dân (mật độ trâu, bò theo dân số). Nước đứng đầu trên thế giới về mật độ trâu, bò theo dân

số là Uruguay (390 bò cho 100 người, không kể trâu), vì có diện tích đồng cỏ rất rộng mà lại ít người; chăn nuôi ở đây còn theo lối thả thả tự nhiên, theo lối «quảng canh». Nước đứng đầu thế giới về mật độ trâu, bò theo diện tích là Hà-lan (79 bò/km²), vì đất hẹp, chăn nuôi theo lối thâm canh cao độ; nước này đã tạo được giống bò sữa Hà-lan nổi tiếng, năng suất sữa là 4 300 kg sữa/năm (Hà-lan cũng là nước có mức tiêu thụ thịt theo đầu người khá: 48,9 kg/năm/người, trong đó 21,6 kg là thịt bò).

Lấy tình hình ở một số nước châu Á làm ví dụ, ta cũng có nhận xét tương tự. Những nước có diện tích rộng thường là những nước có mật độ trâu, bò theo dân số cao, ví dụ: Ấn-độ: 40 trâu bò/100 người; Campuchia 23,5 trâu bò/100 người; tuy những nước này là những nước chưa phải có nền nông nghiệp phát triển nhất. Trái lại, Nhật-bản là nước có nền nông nghiệp «thâm canh» khá, nhưng do đất đai hẹp nên chỉ có 3 trâu bò/100 người. Tuy vậy, do chăn nuôi cũng được phát triển theo hướng «thâm canh», năng suất chăn nuôi cao, nên chỉ trong khoảng 10 năm (1952 đến 1962) mức tiêu thụ thịt theo đầu người đã tăng khoảng gấp đôi.

Như thế, có thể nói: khả năng thiên nhiên—nhất là khả năng về đất đai, diện tích đồng cỏ—có ảnh hưởng quan trọng đến việc phát triển đàn trâu, bò (và nói chung các loài súc vật có sừng) của một nước (Uruguay, Ấn-độ, Campu-

(1) Những số liệu ở đoạn này và các đoạn tiếp theo phần lớn rút từ những tài liệu do Liên hiệp quốc công bố, chỉ nên dùng để tham khảo, mức độ đáng tin cậy chỉ có hạn.

chia); còn năng suất chăn nuôi (tức là số sản phẩm thu được trên một đơn vị gia súc) thì phụ thuộc vào trình độ «thâm canh» và chuyên môn hóa trong chăn nuôi (Hà-lan, Nhật-bản), tức là vào trình độ sử dụng khoa học, kĩ thuật, trình độ đầu tư về giống tốt, về cơ sở vật chất kĩ thuật vào ngành chăn nuôi.

Đối với miền Bắc nước ta, nếu lấy năm 1958 — 1960 là thời kì mà đàn trâu, bò tương đối ổn định (tổng số khoảng 2,3 triệu con) * thì thấy số trâu, bò trên 1 km² (= 100 ha) diện tích là khoảng 14 con, số trâu bò bình quân cho 100 người dân, khoảng 13 con. Mật độ trâu, bò không đều giữa các vùng: miền núi, trung du, đồng bằng; miền núi thì mật độ trâu, bò trên diện tích thấp nhưng trên dân số thì cao, miền đồng bằng thì ngược lại. So sánh đàn trâu, bò hiện có với khả năng về diện tích đồng cỏ, và với khả năng sinh vật học của các giống trâu, bò nước ta, thì thấy ta còn nhiều khả năng tiềm tàng để phát triển chăn nuôi trâu, bò.

1. Khả năng về đất đai và điều kiện chăn nuôi.

Trong điều kiện thiên nhiên nhiệt đới, từ lâu đời ở miền núi và trung du đã hình thành những vùng chăn nuôi trâu, bò; do lao động sáng tạo của nhân dân ta, những vùng này đã là quê hương của những giống trâu, bò tốt. Ví dụ:

Cao nguyên đông bắc Cao-bằng: giống bò Cao-bằng.

Cao nguyên Đồng-văn (Hà-giang): giống bò Mèo (Hà-giang).

Vùng Chiêm-hóa — Tự-do: giống trâu Tuyên-quang.

Vùng Thất-khê — Lạng-sơn — Lộc-binh: giống bò Lạng-sơn.

Vùng thuộc dãy núi Xà-phình: giống trâu Yên-bái.

Vùng vòng cung sông Đà: giống trâu Hòa-binh (Đà-bắc).

Vùng cao nguyên Xin-chải, Sơn-la, Mộc-châu: hiện nay là khu vực phát triển các nông trường quốc doanh chăn nuôi bò, cừu.

Trung du Bắc-bộ (vùng-núi Ba-vi, Tam-đảo): hiện nay cũng là khu vực chăn nuôi đại gia súc của các nông trường quốc doanh.

Khu vực thuộc dãy núi trung lưu sông Chu, sông Lam và thượng lưu sông Con: ở đây có nhiều giống bò tốt như bò Thanh-hóa, bò Nghệ-an, bò Mèo (Nghệ-an), hiện nay cũng là

khu vực phát triển chăn nuôi đại gia súc của các nông trường quốc doanh.

Theo ước tính, thảo nguyên và thảo dã ở miền Bắc nước ta chiếm khoảng 2/5 diện tích thực vật mọc tự nhiên. Qua điều tra ở một số vùng thuộc liên khu Việt-bắc, có khoảng 200 loại cây cỏ, lá thiên nhiên mà gia súc ăn được. Những điều tra đang được tiếp tục tiến hành đã phát hiện nhiều loại thực vật quý làm thức ăn gia súc, ví dụ: các loại thuộc bộ đậu, các loại thuộc họ hòa thảo thân mềm, có năng suất và giá trị dinh dưỡng cao. Những phụ phẩm nông nghiệp (như rơm, thân ngô...) cũng chưa được tận dụng tốt làm thức ăn cho trâu, bò.

Những đợt điều tra về ruộng đất từ năm 1958 đến nay đã cho nhận định bước đầu là, nếu sử dụng được hết những diện tích có thể chăn nuôi (khoảng 1,5 triệu ha) thì có thể nuôi được một số trâu, bò khoảng gấp đôi hiện nay.

Đồng cỏ nhiệt đới có đặc điểm là sản lượng cỏ trong năm rất không đều; vào mùa nóng ẩm, trâu, bò ăn không hết cỏ, nhưng vào mùa khô hanh thì cỏ thiếu, lại thường bị đốt cháy, trâu, bò đói hàng mấy tháng. Theo những kết quả điều tra sơ bộ trong ngành nông trường quốc doanh sản lượng cỏ vào mùa nóng ẩm, mưa nhiều (từ tháng 5 đến tháng 10) chiếm đến 75% sản lượng cỏ cả năm. Trong khi một hecta đồng cỏ tự nhiên ở châu Âu có thể bảo đảm đủ cỏ cho một số gia súc có sừng bằng 500 kg trọng lượng sống, thì ở khu vực nhiệt đới chỉ được 50 kg, thậm chí 20 kg trọng lượng sống. Ở châu Phi, Achentina Ấn-độ, Campuchia,... người ta tính diện tích đồng cỏ tự nhiên cần cho một đầu bò là từ 1 đến 8 hecta, tùy theo thảm cỏ tốt hay xấu.

Ở miền núi và trung du nước ta, qua những kết quả thí nghiệm bước đầu thấy như sau:

— Nếu sử dụng đồng cỏ tự nhiên một cách hợp lí theo lối chia khoảnh chăn dắt luân phiên, thì nói chung ở trung du một đầu bò cần 2 hecta, ở miền núi cần 2,4 hecta;

— Nếu bước đầu cải tạo đồng cỏ bằng chăn dắt luân phiên kết hợp trồng những cây phủ đất và có tác dụng cải tạo đất, thì một hecta có thể nuôi được 1,2 bò, tức là một đầu bò chỉ cần khoảng 0,8 hecta;

— Nếu cải tạo đồng cỏ tốt hơn nữa, ví dụ: đánh hết cây bụi, cày bừa đất, bón vôi và phân, trồng đai rừng chắn gió và cây phủ đất,

* Những năm sau đàn bò sụt nhưng nguyên nhân không phải do điều kiện tự nhiên như khả năng đói đói đẻ chăn nuôi, khả năng sinh vật học của gia súc,...

cải tạo đất, trồng những giống cỏ mới có năng suất và giá trị dinh dưỡng cao, thực hiện chăn dắt theo kế hoạch và luân canh đồng cỏ, thì sản lượng cỏ có thể tăng 50—100%, tức là một hecta đầu bò chỉ cần 0,5 hay 0,25 hecta, một hecta nuôi được từ 2 đến 4 bò.

Ở đồng bằng tuy không có đồng cỏ rộng, nhưng nhiều hợp tác xã thực hiện tốt chủ trương chăn nuôi trâu, bò vừa cày kéo vừa có sinh sản (một số hợp tác xã ở Ninh-bình, Thái-bình) đã đạt mức tăng bình quân của đàn trâu là 10—15% (do sinh sản thêm và đã trừ thải loại), không những tự túc được sức kéo, mà còn dành được một số nghề cung cấp cho nơi khác.

Tóm lại, chúng ta hoàn toàn có thể đưa đàn trâu, bò lên khoảng gấp đôi số lượng hiện nay, căn cứ những khả năng thực tế sau đây:

— Ở miền núi và trung du, có thể đưa mức chăn nuôi từ một đầu trâu, bò trên 2 hecta đồng cỏ lên một đầu trâu bò trên, một hecta, hay trên 0,5 hecta:

— Nâng mức tăng bình quân hằng năm của đàn trâu, bò (nhờ sinh sản thêm) từ khoảng 2 đến 3 % hiện nay lên khoảng 10%, kể cả ở đồng bằng;

— Từng bước, tăng thêm khoảng 1 triệu hecta đồng cỏ nữa, để chăn nuôi trâu, bò.

2. Khả năng sinh vật học các giống trâu, bò nước ta.

Các giống trâu, bò nước ta nói chung đều có tiềm lực khá về khả năng cày, kéo, khả năng sinh sản và khả năng cho sữa.

So với những giống trâu tốt của thế giới, như trâu Adecbaidan (Liên-xô), trâu Ấn-độ, trâu của ta thân thấp hơn, mình ngắn hơn, nhưng vòng ngực lại to hơn (1). Trâu ta, vì vậy tuy đi chậm nhưng kéo khỏe, làm được việc nặng hơn, có thể dùng để cày bừa đất nặng, kéo gỗ, kéo xe nặng v.v... Bò của ta, tuy trọng lượng thấp và nhỏ con, nhưng cho lai với những giống bò ngoại thích hợp (ví dụ: giống bò Xin nguồn gốc từ Ấn-độ) thì chỉ sau một thời gian ngắn đã tăng nhanh được trọng lượng và chiều cao (2). Nói chung trâu của ta trong điều kiện nuôi dưỡng tốt có thể đẻ ba năm, hai con; bò đẻ một năm một con. Phẩm chất thịt của bò ta tốt; năng suất thịt cao (55%).

Trâu của ta có khả năng cho sữa, bình thường có thể tiết được 2 lít sữa một ngày để nuôi con. Luyện một số trâu để vắt sữa, trong điều kiện nuôi dưỡng tốt, mỗi con trâu, trong một thời kì vắt sữa (khoảng 200 ngày), đã cho từ 600 đến 1 000 kg sữa, ngày cao nhất có thể

đạt 6,4 kg, tháng cao nhất có thể đạt 153 kg. Đặc biệt sữa của trâu ta, về tỉ lệ chất khô và các tỉ lệ bơ (chất mỡ của sữa), cadêin (chất đạm của sữa) đều cao hơn trâu các nước khác (3).

Bò Thanh-hóa, nuôi trong điều kiện tốt, ngoài số sữa cho con bú, có thể cho thêm khoảng 1,5 lít sữa một ngày. Bò lai Xin×Thanh hóa đã có năng suất sữa khoảng 10 l/ngày. Tỉ lệ bơ trong sữa của bò lai này cũng cao hơn: 5,2% (tỉ lệ bơ tiêu chuẩn trong sữa bò là 4%, tỉ lệ bơ trong sữa bò giống Hà-lan là 3,4%).

Như thế, các giống trâu bò của ta có khả năng cải tạo nhanh theo mấy hướng: Chọn lọc giống trong nước, cho lai kinh tế để tăng chiều dài, chiều cao, trọng lượng, nhằm tăng sức cày kéo và khả năng cho thịt. Cho lai với những giống trâu, bò sữa tốt thích hợp của nước ngoài để tạo thành những giống trâu, bò sữa của ta có năng suất sữa cao và phẩm chất sữa tốt. Việc lai giống nhằm cải tạo những nhược điểm của giống trâu, bò trong nước (theo những hướng nhất định), đồng thời giữ lại những đặc tính tốt của địa phương.

Nói tóm lại, những khả năng dồi dào về phát triển chăn nuôi trâu, bò của ta có thể tóm tắt như sau:

— khí hậu nóng và ẩm thuận tiện cho cây cỏ sinh trưởng, cho phép chăn thả quanh năm;

— khả năng về đất đai, cây cỏ làm thức ăn để chăn nuôi còn rất lớn, kể cả ở đồng bằng;

— các giống trâu, bò nước ta có những ưu điểm căn bản về hiệu suất sinh sản, cày kéo, cho thịt, cho sữa, có thể cải tạo nhanh nhằm

(1) So sánh kích thước một số giống trâu:

Trâu	Việt-nam	Adecbaidan	Ấn-độ
Cao vây (cm)	122,7	130,6—131,7	123,5
Dài thân (cm)	134,0	139,0—142,0	140,4
Vòng ngực (cm)	191,0	187,6—191,0	178,2
Trọng lượng (kg)	350—450	328—443	405

(2) So sánh kích thước bò Xin, bò Thanh-hóa và bò lai Xin×Thanh-hóa:

	CÁI		ĐỰC	
	Cao (cm)	Nặng (kg)	Cao (cm)	Nặng (kg)
Bò Xin	124	344	131,5	450
Bò Thanh-hóa	102,2	217	113,6	269
Bò lai Xin×Thanh-hóa	112,13	275,7	128,4	370

(3) So sánh thành phần dinh dưỡng của sữa trâu Việt-nam với sữa trâu các nước khác:

	Chất khô %	Bơ %	Cadêin %
Sữa trâu Việt-nam	27,08	10,02	7,19
Sữa trâu các nước (mức tối thiểu và tối đa)	17,12—19,36	5,56—13,46	3,86—5,88

những mục đích kinh tế nhất định; có khả năng cao lợi dụng thức ăn thô xanh, đòi hỏi ít lao động để chăn nuôi, chịu đựng khá đối với các điều kiện khí hậu, chăn nuôi và các bệnh tật ở ta.

CẢI TẠO CƠ CẤU ĐÀN TRÂU, BÒ

Một cơ cấu sản xuất nông nghiệp hợp lý có tác dụng quyết định đối với kết quả phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế của sản xuất. Nghị quyết hội nghị lần thứ 19 Ban chấp hành trung ương Đảng đã ghi: «Trên cơ sở nghiên cứu đất đai, khí hậu, các điều kiện kinh tế — kĩ thuật của ta và tranh thủ sử dụng khoa học, kĩ thuật thế giới, xuất phát từ những nhu cầu trước mắt và lâu dài của nền kinh tế quốc dân, tiến hành từng bước sự biến đổi cách mạng trong cơ cấu trồng trọt và chăn nuôi, trước mắt là cơ cấu trồng trọt trên các vùng khác nhau».

1. Cơ cấu chăn nuôi phải bảo đảm cho đàn trâu, bò không ngừng được tái sản xuất mở rộng với tốc độ nhanh.

Muốn thế, phải xác định một tỉ lệ hợp lý nhất giữa các loại trâu, bò sau đây trong đàn: trâu, bò cày kéo; trâu, bò sinh sản (cái và đực giống); bê nghé (bê nghé sơ sinh và bê nghé choai). Một đặc điểm cần chú ý là trong điều kiện nước ta hiện nay, trâu, bò cày kéo đồng thời cũng là trâu, bò sinh sản, nhất là ở đồng bằng. Cho nên mỗi cơ sở sản xuất phải xây dựng những chỉ tiêu sau đây để hằng năm tiến lên từng bước làm cho cơ cấu đàn trâu, bò của mình được hợp lý.

a) *Trâu, bò cày kéo.* Căn cứ vào diện tích gieo, trồng của hợp tác xã mà định chỉ tiêu phần đầu, mỗi trâu, bò cày phải làm bao nhiêu hecta gieo trồng là vừa, để làm đất được kịp thời vụ (kết hợp làm các công việc khác để tận dụng sức kéo của trâu, bò), đạt được ba mục tiêu lớn của nông nghiệp trong thời gian ngắn nhất. Ví dụ, đối với số lớn hợp tác xã vùng đồng bằng, có thể xê xích trong chỉ tiêu: một trâu làm 1,5 — 2,5 hecta gieo trồng (tùy vùng). Hiện nay đối với toàn miền Bắc theo số liệu thống kê, số trâu cày chiếm khoảng 70% đàn trâu, số bò cày 51% đàn bò, như thế một trâu hay một bò cày đã làm bình quân 2 hecta gieo trồng. Nhưng do sự phân bố trâu, bò không đều, cho nên ở đồng bằng trâu, bò cày phải làm quá nhiều diện tích, trong khi ở trung du, miền núi lại quá ít. Do đó trong một thời gian nữa, phải

tích cực thực hiện chủ trương nuôi trâu, bò vừa cày, kéo vừa sinh sản ở đồng bằng, để tiến tới từng vùng tự túc được sức kéo. Ngoài ra việc điều chuyển trâu, bò từ miền ngược về miền xuôi phải làm có kế hoạch, có chuẩn bị, đúng chính sách, đúng kĩ thuật, để trâu bò đưa về đồng bằng đều sống, khỏe mạnh, làm việc tốt, đẻ đều.

b) *Trâu, bò sinh sản.* Căn cứ vào số trâu, bò cái trong đàn, định một tỉ lệ đẻ và nuôi được tiến bộ hơn trước. Ví dụ ở vùng nuôi trâu, bò phân tán (đồng bằng) có thể định tỉ lệ đẻ hằng năm của bò là 50% tổng số bò cái có khả năng sinh sản, trâu cái đẻ là 40%, bê nghé đẻ nuôi được là 80%. Ở vùng nuôi trâu, bò tập trung (trung du, miền núi), tỉ lệ bò cái đẻ 80%, trâu cái đẻ 50%, bê nghé đẻ nuôi được là 90%. Như vậy, theo những tính toán cụ thể trên cơ sở thực tế, nếu hằng năm trâu, bò phải thải loại 8 — 10% thì đàn trâu vẫn tăng được hơn 3% một năm, đàn bò hơn 5% một năm.

Muốn đạt những chỉ tiêu về sinh sản trên đây phải thực hiện nhiều biện pháp về kĩ thuật, về quản lí, ví dụ: phải có đủ số trâu, bò đực giống để phối giống cho đàn trâu, bò cái (phối giống trực tiếp và thụ tinh nhân tạo); phải nuôi dưỡng chăm sóc, quản lí tốt để trâu, bò cái khỏe mạnh, động dục đều (mặc dù phải cày kéo đến một mức nhất định) và khi động dục thì được phối giống kịp thời; phải nuôi dưỡng tốt trâu, bò chữa, đẻ và bê nghé, phòng bệnh chu đáo cho bê nghé (ví dụ: đối với bệnh ỉa rút trắng do giun đũa) để bê nghé được nuôi sống nhiều và khỏe mạnh; phải thực hiện những chính sách khuyến khích hợp lí và có lợi cho xã viên nuôi trâu, bò giống và nuôi được trâu, bò đẻ. Những nông trường và hợp tác xã chăn nuôi trâu, bò ở miền núi và trung du với mục đích chính là sinh sản thì kĩ thuật chăn nuôi phải được thực hiện với mức cải tiến hơn. Ngoài những biện pháp trên, phải đặc biệt chú ý các khâu: chọn giống, cho phối giống, nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng bệnh tốt cho trâu, bò giống, bê nghé nuôi tập trung. Đặc biệt là xây dựng và sử dụng tốt đồng cỏ, cơ sở quan trọng nhất của việc phát triển chăn nuôi trâu, bò đàn, thực hiện các chính sách đối với hợp tác xã nuôi trâu, bò tập trung và cả đối với xã viên nuôi riêng được một số trâu, bò sinh sản.

2. Trong cơ cấu của đàn trâu, bò phải chú ý cải tiến cơ cấu giống, để không ngừng cải tiến giống địa phương thành những giống tốt có năng suất cao.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 19 Ban chấp

hành trung ương Đảng đã nêu nhiệm vụ: phát triển mạnh đàn trâu, tiếp tục thí nghiệm việc nuôi trâu lấy sữa, khôi phục đàn bò, chọn lọc và nhân giống bò tốt của ta kết hợp với việc nhập nội giống bò tốt, cải tạo đàn bò để tăng sản lượng thịt, tăng sức kéo và xây dựng nhanh đàn bò sữa.

Về giống trâu, chúng ta có những giống trâu tốt như trâu Tuyên-quang, Yên-bái, Hòa-bình... Cải tiến cơ cấu giống của đàn trâu chủ yếu là chọn lọc và phát triển những giống trâu tốt của ta, loại thải dần những con xấu qua công tác giám định, bình tuyển. Những điều tra khảo sát tuy chưa đầy đủ đã cho biết, ở ta có hai nhóm giống trâu: một là trâu ngổ, phổ biến ở các tỉnh miền núi, có trọng lượng cao, cây kéo khỏe, nhưng sinh sản chậm và thưa; hai là trâu gié, trọng lượng thấp hơn, nhưng cây kéo thuần thục và mắn đẻ (1); kết hợp những tính tốt của hai nhóm giống này có thể nâng được tầm vóc và sức sinh sản chung của đàn trâu ta. Đồng thời, chọn lọc những trâu có khả năng về sữa nhiều nhất của ta cho lai tạo với những giống trâu sữa có năng suất cao (ví dụ: giống trâu Mura của Ấn-độ đã nhập vào ta, có năng suất sữa 2 000 kg/năm) để có thể đưa thêm vào cơ cấu giống của đàn trâu: những trâu ngoại thuộc giống sữa, một số trâu lai kinh tế theo hướng sữa — cây kéo hoặc sữa — thịt.

Chúng ta cũng có những giống bò tốt như bò Thanh-hóa, Nghệ-an, Lạng-sơn, bò Mèo (2),... Chúng ta đã thành công trong việc lai bò ta với bò Xin thành những bò lai có năng suất cây kéo, thịt, sữa cao hơn bò ta. Sau đó lai bò Xin Việt-nam với bò Hà-lan (còn gọi là bò lang đen trắng, một giống bò sữa cao sản, năng suất sữa bình quân 3 000 kg/năm) thành những bò lai (ba máu) theo hướng sữa — thịt, bước đầu có năng suất sữa khá cao (bình quân 1 900 kg/năm), chất lượng sữa tốt, lại thích nghi với điều kiện khí hậu, thức ăn, chịu đựng được bệnh tật ở ta. Những kết quả này mở ra hai triển vọng: Một là, có thể dùng một số bò đực giống tốt (Xin, lai Xin, nâu Thụy-sĩ,...), với phương pháp thụ tinh nhân tạo mới (dùng tinh dịch bò đực làm cho đông lại chế thành viên, đưa đi xa được và bảo quản thuận tiện), cải tạo đàn bò của ta, đưa trọng lượng bình quân một bò hiện nay chỉ nặng khoảng 150 kg lên khoảng trên 200 kg, tăng được năng suất thịt, cây kéo của một đầu bò lên khoảng 25% trong một thời gian không dài lắm. Hai là, dùng máu bò Hà-lan cải tạo giống bò của ta hoặc bò ta đã lai với bò Xin) thành một giống bò sữa hay sữa — thịt của ta.

QUI HOẠCH VÙNG CHĂN NUÔI TRÁU, BÒ

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 19 Ban chấp hành trung ương Đảng đã đề ra nhiệm vụ: «Tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển toàn diện đi đôi với thâm canh, chuyên canh trên cơ sở phân vùng đi dần lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa». Qui hoạch vùng chăn nuôi trâu, bò phải theo hướng chuyên môn hóa trong thể cân đối giữa hai ngành chính trong nông nghiệp: trồng trọt và chăn nuôi.

1. Tình hình chăn nuôi trâu, bò và việc xây dựng những khu vực chăn nuôi mới.

Theo những số liệu thống kê đã có, ở miền núi hiện nay, cứ 4 người có một đầu trâu, bò, nhưng ở đồng bằng, 22 người mới có một đầu trâu, bò. So với diện tích đất đai còn có thể sử dụng vào việc phát triển chăn nuôi trâu, bò thì ở miền núi và trung du mật độ trâu, bò còn quá thấp. Hiện nay, do sử dụng các đồi, bãi chăn thả theo lối tự nhiên, không bảo vệ, bồi dưỡng (thậm chí lại thả rông, đốt đồi cỏ nên còn làm cho đất bị xói mòn, cỏ rụng dần), nên ở nhiều vùng cứ 2—3 hecta mới nuôi được một đầu bò, mà vào mùa khô hanh bò còn bị đói. Những kết quả nghiên cứu, thực nghiệm đầu tiên trong khu vực nông trường quốc doanh và ở một số hợp tác xã nuôi bò tiên tiến ở trung du, miền núi, đã cho biết: chỉ cần đầu tư không nhiều lắm vào việc sửa sang, xây dựng đồng cỏ, đồng thời sử dụng đồng cỏ hợp lý thì ngay từ năm thứ hai, một hecta đã có thể nuôi được hai bò, rồi bốn bò, mà đồng cỏ lại sử dụng được lâu dài và ngày càng tốt thêm. Những hợp tác xã nuôi trâu tốt ở đồng bằng cũng đã nêu kinh nghiệm: trồng cỏ thâm canh ở ruộng, cho phối giống đúng kỹ thuật và nuôi dưỡng tốt trâu, bò, bê, nghé,... có thể đạt kết quả đưa tỉ lệ trâu cái đẻ hằng năm lên khoảng 45% (so với số trâu cái có khả năng sinh sản), số nghé đẻ nuôi sống gần 100%, bình quân hằng năm đàn trâu tăng khoảng 10%.

(1) Trâu ngổ nặng trung bình từ 400 kg đến 500 kg, có sức kéo khỏe, nhưng sinh sản chậm, thường ba năm tuổi trở lên mới bắt đầu đẻ, và đẻ thưa (khoảng hai năm đẻ một con). Trâu ngổ còn gọi là trâu «tầm đại».

Trâu gié (còn gọi là trâu di, trâu què) nặng trung bình từ 300 kg đến 350 kg, cây kéo dai sức, tính hiền lành, dễ điều khiển, lại mắn đẻ, hai tuổi đã bắt đầu đẻ, thường ba năm đẻ hai con.

(2) Bò Thanh-hóa có tầm vóc và trọng lượng trung bình (từ 200 kg đến 250 kg), nhưng cây bừa dai sức, đẻ sớm (chưa đến hai năm tuổi đã đẻ), mắn đẻ (một năm đẻ một con), có năng suất thịt cao (55 %) và đặc biệt phẩm chất thịt ngon. Bò mèo (ở miền núi), trọng lượng từ 300 kg đến 350 kg, năng suất thịt 50%.

Đó là những chỉ tiêu có thể đạt được ở tất cả các địa phương.

Cũng theo những số liệu thống kê đã có, đến nay mới có khoảng 12% số hợp tác xã có nuôi trâu, bò tập trung (chiếm 4,6% đàn trâu, bò); phần lớn là những hợp tác xã ở trung du, miền núi. Ở đồng bằng, nói chung trâu, bò là tài sản của tập thể hợp tác xã và giao khoán cho các gia đình xã viên nuôi. Trước mắt, phải rất coi trọng việc cải tiến quản lý đàn trâu này, vì chiếm đại bộ phận số trâu cày, kéo: không để nhiều gia đình nuôi một trâu, có chính sách, chế độ khoán thích hợp, có kiểm tra chặt chẽ, thưởng phạt rõ ràng, có cơ sở thức ăn và phòng trừ dịch bệnh vững chắc, để chấm dứt nạn trâu, bò ốm ngã và vụ đông xuân, bảo đảm cho trâu, bò khỏe mạnh, cày kéo tốt, sinh sản đều.

Đồng thời phải mạnh dạn và vững chắc đi vào mở mang những khu vực chăn nuôi mới, tập trung, qui mô vừa và lớn, để có khả năng đầu tư vào xây dựng đồng cỏ, dùng giống tốt, dùng cơ giới vào chăn nuôi, xây dựng công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi, làm ra nhiều thịt và sữa hàng hóa. Trong việc xây dựng những khu vực chăn nuôi mới này, không nên chỉ chú ý đến qui mô chăn nuôi lớn, mà phải tính toán chặt chẽ hiệu quả kinh tế: qui mô chăn nuôi phải tiến lên từng bước phù hợp với việc xây dựng đồng cỏ, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật, đào tạo cán bộ công nhân chuyên nghiệp, cải tiến trình độ quản lý, tổ chức việc tiêu thụ sản phẩm (dùng trong nước hay xuất khẩu). Phải xác định những chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cho việc qui hoạch các khu vực kinh tế mới này: qui trình xây dựng và mức đầu tư vào việc xây dựng đồng cỏ; cơ cấu đàn trâu, bò sinh sản và cơ cấu giống; diện tích, thiết kế chuồng và vốn đầu tư vào kiến thiết chuồng trại; tiêu chuẩn cho công tác thú y; tiêu chuẩn sản phẩm thô và sản phẩm đã qua chế biến.

2. Qui hoạch vùng chăn nuôi phải được bố trí trong mối **quan hệ chặt chẽ giữa cơ cấu trồng trọt và cơ cấu chăn nuôi** theo một qui hoạch chung trên cơ sở phân vùng nông nghiệp.

Ở đồng bằng, từ trước đã hình thành một cơ cấu sản xuất nông nghiệp độc canh xoay quanh cây lúa nước. Do đó, chăn nuôi trâu chủ yếu là để có sức kéo cho việc canh tác nói chung và riêng cho việc canh tác cây lúa nước. Với những biến đổi trong cơ cấu trồng trọt ở đồng bằng (ví dụ: ở những vùng đưa lúa xuân vào cơ cấu trồng lúa; thực hiện những chế độ luân canh giữa lúa và màu, cây

thực phẩm, cây phân xanh, cây thức ăn gia súc, cây công nghiệp ngắn ngày; đưa vụ đông thành một vụ sản xuất chính,...), phải tính đến nhu cầu sức kéo cho việc tăng vụ, rải vụ, thâm canh, đồng thời phải tính toán nguồn thức ăn đầy đủ và vững chắc cho trâu, bò. Thức ăn của trâu, bò hiện nay ở đồng bằng chủ yếu gồm ba loại: rơm, cỏ và một phần thức ăn tinh để bồi dưỡng cho trâu, bò làm việc nặng nhọc, trâu bò chữa đẻ. Phải tính toán dành những gò, bãi, bờ đê, mương, máng, ruộng làm chỗ chăn dắt hay cắt cỏ với kỹ thuật sử dụng và bón phân, thâm canh hợp lý để tăng sản lượng và phẩm chất cỏ. Phải tính diện tích dành ra để thâm canh cỏ nuôi trâu (cỏ bắc, cỏ dày, cỏ voi, cỏ sữa, cỏ ngô,...) và chỉ tiêu năng suất cho những ruộng này. Phải đưa vào chế độ canh tác những loại cây vừa làm phân xanh cải tạo đất vừa làm thức ăn cho gia súc, nhất là trong vụ sản xuất mùa đông gần đây được phát triển thành một vụ chính kéo dài từ sau khi thu hoạch lúa mùa cho đến khi cấy lúa xuân ở đồng bằng (ở miền núi, vụ đông kéo dài hơn). Những loại rau, màu trồng trong vụ đông như: ngô, khoai lang, mạch hoa (mạch ba góc),... đều có thể dùng một phần sản phẩm chính và những phụ phẩm làm thức ăn cho lợn, trâu, bò; những cây thức ăn gia súc trồng trong vụ đông như: bèo dâu, rau lấp... đều có thể dùng tốt để nuôi trâu, bò.

Ở miền núi, trong việc qui hoạch các vùng sản xuất (vùng đã có hay vùng kinh tế mới), phải phân biệt các loại đất dùng cho cây lương thực, cây thực phẩm, cây công nghiệp (phần nhiều là cây lâu năm), cây ăn quả, cây làm thuốc, và đất xây dựng đồng cỏ, đất trồng rừng,... dựa vào phương hướng sản xuất của địa phương, kết hợp với những chỉ tiêu về tính chất đất, độ dày của lớp đất mặt canh tác được, độ dốc, thảm thực vật hiện tại,... Qui hoạch một vùng chuyên môn hóa vào một loại sản xuất chủ yếu phải tính toán các mặt cân đối, nhất là cân đối giữa chăn nuôi và trồng trọt (còn phải tính toán cân đối giữa nông nghiệp và công nghiệp trong vùng), ví dụ: trồng 100 hecta cây công nghiệp (lâu năm) thì phải nuôi bao nhiêu bò để tận dụng khả năng đất đai, lao động; để có sức kéo và phân bón phục vụ trồng trọt; với số bò nuôi, thì phải cải tạo và xây dựng bao nhiêu hecta đồng cỏ, bố trí cơ cấu đàn bò thế nào v.v...

ĐẨY MẠNH TIẾN BỘ KỸ THUẬT TRONG NGÀNH CHĂN NUÔI TRÁU, BÒ

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 19 Ban chấp hành trung ương Đảng đã ghi: «Đưa chăn

nuôi lên thành một ngành chính là một cuộc phấn đấu khẩn trương. Các ngành có trách nhiệm và các địa phương phải có biện pháp tốt giải quyết hàng loạt vấn đề trên nhiều mặt như giống, thức ăn, chuồng trại, lao động, v.v... Phải đặt nhiệm vụ chống toi dịch, tăng cường lãnh đạo và phát triển công tác thú y là vấn đề rất quan trọng để đẩy mạnh chăn nuôi». Riêng về nhiệm vụ phát triển chăn nuôi trâu bò, nghị quyết nói rõ: «Bảo đảm thức ăn cho trâu bò, ngoài việc tận dụng những phụ phẩm nông nghiệp, phải dành một phần diện tích đất để chăn nuôi ở đồng bằng, và xây dựng những đồng cỏ có năng suất cao, phẩm chất tốt để chăn nuôi trâu, bò. Thức ăn, cỏ, đồng cỏ là không thể thiếu được để chăn nuôi qui mô lớn. Nước ta có thuận lợi lớn để phát triển những đồng cỏ tốt».

Ngoài những tiến bộ kĩ thuật phải đưa vào ngành chăn nuôi trâu, bò đã nói ở các phần trên, dưới đây chúng tôi đi sâu thêm vào những tiến bộ kĩ thuật về xây dựng, sử dụng đồng cỏ và về thú y bảo vệ trâu bò, trong điều kiện ngành chăn nuôi trâu, bò đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

1. Những tiến bộ kĩ thuật về cải tạo, xây dựng và sử dụng đồng cỏ phải được ứng dụng cho phù hợp với từng qui mô và phương thức chăn nuôi ở từng vùng.

a) Đối với khu vực chăn nuôi trâu, bò tập trung (trung du, miền núi, ven biển, ven sông), việc xây dựng đồng cỏ phải nhằm yêu cầu bảo đảm kinh doanh có lãi trong thời gian ngắn, đồng thời bảo vệ, bồi dưỡng đất và bảo vệ thảm thực vật, bảo đảm hiệu quả kinh tế lâu dài. Qui trình xây dựng đồng cỏ phải qui định: những tiêu chuẩn về chọn đất; những kĩ thuật về chia khu, chia lô, làm đất bằng cơ giới kết hợp thủ công, diệt cỏ dại và cây bụi (bằng hóa chất), xây dựng thảm cỏ, trồng cây, luân canh, giải quyết nước; những qui định về quản lí, bảo vệ, sử dụng, v.v...

Đã có một số tài liệu dự kiến qui thành đất đồng cỏ, bao gồm những loại đất có các tiêu chuẩn sau đây: tầng đất canh tác từ 20 đến 50 cm (20 — 30 cm: cải tạo làm bãi chăn và trồng cỏ một ít; 30 — 50 cm: trồng cỏ theo hướng thâm canh, cơ giới hóa); — độ dốc từ 0 đến 25° (0 — 10°: bò sữa; 10 — 20°: trâu, bò đàn; 20 — 25°: trâu, bò, dê; trên 25° đất rừng); — tỉ lệ kết von không quá 30%, không có nhiều đá sỏi đầu v.v... Dựa vào những tiêu chuẩn đó, kết hợp với tình hình nguồn nước, thảm thực vật, độ che lấp của cỏ, diện tích từng khoảnh liền nhau... người ta đã chia thành những đồng cỏ loại 1, loại 2,... nhằm

đặt kế hoạch cải tạo và sử dụng từng bước, bắt đầu từ những loại đồng cỏ có khả năng nhất, và đòi hỏi đầu tư ban đầu ít nhất.

Cỏ được chọn để trồng trên đồng cỏ gồm nhiều loại phù hợp với điều kiện khí hậu, đất đai từng vùng và với phương thức chăn nuôi (chăn dắt hay cắt cỏ); ví dụ:

— Cỏ Pangola, có năng suất và giá trị dinh dưỡng cao (sản lượng năm thứ hai có thể đạt trên 150 tấn/ha/năm), có khả năng cơ giới hóa, chịu được điều kiện khí hậu và đất đai của nhiều vùng, có tác dụng phủ đất nhanh, chống xói mòn, có thể dùng làm đồng cỏ chăn dắt (chịu được giẫm đạp) hoặc cắt cho ăn tươi, cắt cỏ dự trữ;

— Cỏ voi, có khả năng thâm canh cao (sản lượng năm thứ hai có thể đạt trên 200 tấn/ha/năm), có tuổi thọ dài, chịu được điều kiện khí hậu, đất đai của nhiều vùng, trồng chủ yếu để cắt cỏ nuôi bò tại chuồng;

— Cây *Stylosanthes gracilis* (mục túc Brazil) có giá trị dinh dưỡng rất cao (một loại cây bộ Đậu), có năng suất cao, thích hợp với nhiều loại đất đai và thích hợp với khí hậu nóng, ẩm của ta, có tác dụng phủ đất và cải tạo đất nhanh;

— Ba loại cây cỏ trên đây có thể trồng được ở nhiều loại hình đồng cỏ thuộc nhiều vùng. Ngoài ra, có những loại cỏ thích hợp với từng địa phương như cỏ sữa (cỏ Nghệ-an), cỏ Goatemala, cỏ Mộc-châu v.v...

Qui trình xây dựng đồng cỏ phải qui định chế độ luân canh: 4 — 5 năm trồng cỏ xen một năm trồng cây lương thực, cây thực phẩm, cây phân xanh... Qui trình phải qui định rõ chế độ chăn dắt luân phiên vào mùa hè, mùa đông, việc dành những lô để cắt cỏ dự trữ, việc thu hoạch và chăm bón đúng lúa, v.v... Cũng có thể trồng cây phân xanh xen cỏ như trồng xen kê cây cốt khí và cỏ Pangola (thành từng băng xen kê theo vành nón) hoặc trồng kết hợp cỏ họ Hòa thảo với cỏ bộ Đậu, v.v...

b) Đối với khu vực chăn nuôi trâu, bò phân tán (đồng bằng), trên những ruộng chuyên trồng cỏ thì từ lâu đời nông dân ta đã có kinh nghiệm trồng những loại cỏ có năng suất cao, chất lượng tốt, thích hợp với điều kiện đất đai từng vùng: vùng chiêm trũng là cỏ bắc, vùng đồng màu là cỏ dày, vùng hai vụ lúa là cỏ ngô, vùng đất cát ven biển là cỏ sữa, vùng chua mặn là cỏ cáy, v.v... Những loại cỏ này đều là những cỏ dại đã được thuần hóa và chọn lọc từ lâu đời. Gần đây, chúng ta lại nghiên cứu làm thích nghi được một số cỏ đưa từ nước ngoài vào có năng suất và chất lượng cao, khiến cho tập đoàn các giống cỏ trồng ở ta càng thêm

phong phú : ở vùng ẩm, có nước, là các loại cỏ bắc, cỏ lông para; ở các loại đất màu, đất bãi, đất phù sa, là cỏ Xudăng; ở đất đồi, bờ đê, nương, máng là các loại cỏ Pangola, cỏ voi, cỏ sữa, cây cutzu (Kudzu), cây *Stylosanthes gracilis*, v.v...; ở các thung lũng miền núi là cỏ Mộc-châu, cỏ Goatêmala. Chính tập đoàn cỏ này là cơ sở để chúng ta chọn lọc ra những chủng loại thích hợp đưa vào trồng trên từng loại hình đồng cỏ ở từng vùng với những phương thức sử dụng khác nhau (để chăn dắt hay để cắt cỏ).

2. Công tác thú y bảo vệ trâu, bò phải phục vụ phát triển sản xuất chăn nuôi trâu, bò và phải được tổ chức và hoạt động phù hợp với những chuyển biến của ngành chăn nuôi.

Chăn nuôi tập trung tạo cho gia súc những điều kiện sinh sống mới: một số đồng gia súc được chăn nuôi trên một diện tích tương đối hẹp hơn, trong những điều kiện phải tiếp xúc với nhau mật thiết hơn, do đó dịch bệnh có điều kiện lây lan dễ dàng và nhanh chóng hơn (bệnh giun sán, bệnh kí sinh trùng đường máu, bệnh truyền nhiễm). Công tác thú y phải tìm ra những phương pháp chẩn đoán phát hiện bệnh nhanh và sớm; phải dự kiến những bệnh có thể trở thành nặng hơn hoặc những bệnh mới có thể phát sinh; chủ động nghiên cứu những phương pháp phòng trị bệnh phù hợp với điều kiện chăn nuôi tập trung ấy.

Chăn nuôi chuyên môn hóa là một ngành chăn nuôi phân bố theo vùng sản xuất, ví dụ: có vùng chăn nuôi bò sữa, bò thịt, vùng chăn nuôi trâu, bò đàn sinh sản, vùng chăn nuôi phục vụ xuất khẩu, v.v... Những vùng kinh tế mới (ở trung du, miền núi) nhằm phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất lớn, nói chung được mở mang trên cơ sở khai hoang những đất mới trước đây chưa trồng trọt, chăn nuôi. Những vùng đất mới này (ví dụ: đất xây dựng đồng cỏ chăn nuôi sau khi đã khai hoang thường tích trữ những mầm bệnh của những bệnh từ trước chưa có ở những vùng đất cũ; những mầm bệnh này tồn tại trong dã thú, trong các động vật nhỏ hoang dại (nhất là chuột), trong các côn trùng (ve, ruồi, mòng, muỗi,...). Khi đưa gia súc vào nuôi, chăn thả ở những vùng này, mầm bệnh có thể truyền từ dã thú, côn trùng sang gia súc (khi gia súc ăn ở đồng cỏ hay rừng). Do cơ thể gia súc từ trước chưa tiếp xúc và chưa « thích ứng » với mầm bệnh ấy, nên bệnh thường phát ra trầm trọng. Ví dụ: các bệnh kí sinh trùng đường máu (do ve, ruồi, mòng, muỗi,... truyền đi); các bệnh trùng xoắn của gia súc; một số bệnh

giun sán trước kia chỉ có ở dã thú,... Dựa vào những điều tra, khảo sát có kế hoạch trước khi xây dựng những vùng kinh tế mới này, công tác thú y phải dự kiến được những tình huống có thể xảy ra mà chuẩn bị những phương pháp phòng bệnh, trị bệnh thích hợp, chuẩn bị những phương tiện, dụng cụ, thuốc men,... cần thiết, để đối phó có hiệu quả và kịp thời.

Ngành chăn nuôi sản xuất lớn, mục đích không phải chỉ là tăng số lượng gia súc mà chủ yếu là tăng năng suất chăn nuôi, tăng số lượng sản phẩm có chất lượng tốt thu được trên đơn vị gia súc, — đòi hỏi phải sử dụng những giống mới có năng suất cao hơn và chất lượng tốt hơn. Việc đưa một số giống trâu, bò tốt từ nước ngoài vào theo những mục đích nhất định để nuôi thích nghi hay cho lai với các giống gia súc của ta, pha máu với các giống của ta để tạo thành giống mới, đang đặt ra hai vấn đề về thú y: một là những giống gia súc nhập nội có thể đưa những bệnh mới vào nước ta, hai là chúng có thể mắc những bệnh đã có hoặc chỉ có ở nước ta; cả hai trường hợp đều đưa lại những tổn thất nghiêm trọng do sự tiếp xúc đột ngột giữa mầm bệnh với những cơ thể chưa « quen » với nó. Ví dụ: bệnh lao, bệnh sây thai truyền nhiễm, bệnh kí sinh trùng đường máu, bệnh sán lá,... đối với các giống bò nhập nội. Những giống gia súc chuyên môn hóa, được tạo ra qua một quá trình chọn lọc nhân tạo lâu dài, thường có những thay đổi về cơ thể và sinh lí làm chúng dễ mắc những bệnh nhất định, ví dụ: bò thuộc các giống sữa thường mắc những bệnh ở vú (viêm vú). Những giống nhập nội cũng phải chịu đựng một quá trình dễ thích nghi với khí hậu nóng và ẩm ở ta; do đó phải đề phòng những bệnh ở đường hô hấp, ở mắt, ở ngoài da,... Công tác thú y tinh nhân tạo, nếu không thực hiện đúng yêu cầu kĩ thuật có thể làm súc vật mắc bệnh ở đường sinh dục. Kĩ thuật nuôi dưỡng nhân tạo súc vật non (nuôi bê tách mẹ, cho ăn sớm, cho cai sữa sớm) có thể làm cho những bệnh của súc vật non trở thành nặng thêm, ví dụ: chứng ỉa chảy, chứng rối loạn tiêu hóa,... Công tác thú y phải tính trước tất cả những trường hợp này để có kế hoạch và biện pháp khắc phục những nguyên nhân làm cản trở kế hoạch cải tạo giống và phát triển chăn nuôi sinh sản.

Khi sử dụng các nguồn thức ăn mới và áp dụng các kĩ thuật nuôi dưỡng mới, cũng phải đề phòng phát sinh những bệnh mới. Ở các nước, người ta đã phát hiện những bệnh do chuyển từ một chế độ ăn có nhiều chất xơ,

sang một chế độ ăn có nhiều thức ăn tinh (thề tích của khâu phần giảm đi), thường là các chứng rối loạn tiêu hóa, đi táo kéo dài, suy dinh dưỡng, v.v... Khi xây dựng những đồng cỏ mới (và cả ở những đồng cỏ cũ) để chăn thả hàng đàn súc vật, thường thấy những tai nạn do các loại thực vật có hại (cây cỏ có chất độc, có lông dài, có gai sắc nhọn); do các côn trùng và động vật có hại khác trên đồng cỏ; do thiếu một số thành phần dinh dưỡng trong cây cỏ, hậu quả của việc thiếu những thành phần ấy trong đất đồng cỏ (chất khoáng, nguyên tố vi lượng) nên đã xuất hiện những chứng như co giật, cạn sữa,... Do đó, ngành thú y phải tích cực tham gia vào công tác nghiên cứu tạo những cơ sở thức ăn mới, xây dựng những tiêu chuẩn khâu phần, chế độ ăn, phương pháp chế biến thức ăn mới, ví dụ: qui trình xây dựng cải tạo và sử dụng đồng cỏ; công thức chế tạo thức ăn phối hợp theo lối công nghiệp, v.v...

Trước mắt, để đề phòng và dập tắt nhanh chóng những ổ dịch hiện tồn tại và có thể tác hại nhiều hơn trong điều kiện chăn nuôi tập trung, chuyên môn hóa, chúng ta phải nghiêm chỉnh áp dụng « điều lệ phòng chống dịch bệnh gia súc » (ban hành theo nghị định Hội đồng Chính phủ số 111-CP ngày 23-7-1963). Điều lệ này qui định những biện pháp mà tất cả các cơ sở chăn nuôi, các người có trách nhiệm chăn nuôi, phải thực hiện triệt để: xây dựng và giữ vệ sinh chuồng trại; nhốt riêng những gia súc mới đưa về cơ sở chăn nuôi; khai báo khi có dịch hay nghi có dịch; những việc phải làm khi súc vật ốm, súc vật chết (cách li, mổ xẻ để khám nghiệm, chôn xác). Có những qui định riêng cho các việc: sát sinh và chế biến các sản phẩm chăn nuôi (thịt, sữa, da, sừng, xương); kiểm dịch khi vận chuyển, mua bán gia súc (vận chuyển nội địa và xuất nhập khẩu, mua bán súc vật và sản phẩm chăn nuôi tại chợ,...). Riêng đối với trâu bò, điều lệ qui định một số bệnh mà

khi phát ra (thành ổ dịch) phải thi hành mọi biện pháp để bao vây, dập tắt dịch: bệnh nhiệt thán, bệnh dịch tả trâu bò, bệnh tụ huyết trùng trâu bò, bệnh sốt lở mồm, long móng, bệnh khí ung thán, bệnh dại, bệnh lao, bệnh tiên mao trùng. Muốn thực hiện tốt điều lệ thú y, một mặt phải sử dụng theo đúng kế hoạch những loại thuốc (vacxin) tiêm phòng bệnh (tiêm phòng đúng thời vụ, đạt tỉ lệ tiêm phòng đã qui định cho từng vùng, tiêm nhanh, gọn, bảo đảm kĩ thuật). Mặt khác, phải gây được phong trào bảo vệ gia súc trong quần chúng: thực hiện vệ sinh phòng bệnh, tổ chức lực lượng quần chúng để giúp đỡ và kiểm tra nhau thực hiện những phương pháp phòng trừ dịch bệnh. Các cơ sở chăn nuôi (nhất là các cơ sở chăn nuôi tập trung qui mô lớn) phải có nội qui phòng bệnh, phòng dịch chặt chẽ và được thực hiện đầy đủ: phải có đủ cán bộ, dụng cụ, thuốc men để thực hiện phòng bệnh tích cực và chữa bệnh kịp thời.

..

Nắm vững vị trí của ngành chăn nuôi trâu, bò và khả năng phát triển chăn nuôi trâu, bò ở miền Bắc nước ta; thúc đẩy quá trình tái sản xuất mở rộng để tăng nhanh đàn trâu, bò: cải tạo cơ cấu giống và đưa nhanh những tiến bộ kĩ thuật vào chăn nuôi để « thâm canh » tăng năng suất trâu, bò; tận dụng khả năng của tất cả các vùng và các khu vực kinh tế (quốc doanh, tập thể và gia đình, vùng nông nghiệp cũ và vùng kinh tế mới) để phát triển chăn nuôi trâu, bò; qui hoạch vùng chăn nuôi trâu, bò trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp chung theo hướng chuyên canh, sản xuất lớn, cải tạo cơ cấu trồng trọt, chăn nuôi; đó là những vấn đề kinh tế — kĩ thuật phải được giải quyết tốt trong bước đi ban đầu có tác dụng đưa ngành chăn nuôi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, từ một nghề phụ lên thành một ngành sản xuất chính làm ra nhiều sản phẩm hàng hóa.